

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
**ĐƠN VỊ: KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN, LẦN 1**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 3, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP		
Mã học phần:	71FINN40013	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_71FINN40013_01		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>75</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
  - + **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1
  - + **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	<b>Vận dụng</b> các phương pháp trong quản lý tài chính về quá trình huy động vốn, sử dụng vốn của doanh nghiệp.	Trắc nghiệm	30	1, 4, 5, 6, 7, 14	3,0	PI 2.3, A
CLO2	<b>Quản trị</b> các hoạt động tài chính doanh nghiệp góp phần phát triển thị trường tài chính ngân hàng ổn định và bền vững.	Trắc nghiệm + Tự luận	30	2, 3, 8, 13, 18, 20	3,0	PI 3.3, A
CLO4	<b>Thực hiện thành thạo</b> nghiệp vụ tư vấn về tài chính doanh nghiệp	Trắc nghiệm	10	9, 12	1,0	PI 6.2
CLO5	<b>Thể hiện</b> thói quen tự học tập bồi dưỡng năng lực đáp ứng sự thay đổi nghề nghiệp	Trắc nghiệm + Tự luận	30	10, 11, 15, 16, 17, 19	3,0	PI 10.2, A

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### **PHẦN TRẮC NGHIỆM (17 câu hỏi + 0,5 điểm/câu hỏi)**

##### **Câu 1:**

Một dự án đầu tư kéo dài trong 8 năm dự kiến có các phát sinh tại thời điểm đầu tư như sau:

- Đầu tư vốn vào tài sản dài hạn là 1.200 triệu đồng
- Đầu tư cho tài sản ngắn hạn là 600 triệu đồng
- Các khoản nợ người bán tăng thêm: 450 triệu đồng

Hãy xác định vốn đầu tư vào dự án trong đầu năm thứ nhất khi xây dựng dòng tiền thẩm định dự án.

- A. 1.350 triệu đồng
- B. 1.500 triệu đồng
- C. 1.650 triệu đồng
- D. 1.000 triệu đồng

ANSWER: A

##### **Câu 2:**

Ông B có một khoản vay 120 triệu đồng. Lãi suất khoản vay là 12%/kỳ, lãi tính trên nợ gốc ban đầu, lãi trả cuối kỳ. Nếu ông B trả nợ khoản vay này trong 6 kỳ thì mỗi kỳ, ông B phải trả bao nhiêu?

- A. 34,40 triệu đồng
- B. 29,19 triệu đồng
- C. 27,20 triệu đồng
- D. 19,27 triệu đồng

ANSWER: A

##### **Câu 3:**

Bạn có kế hoạch mua xe sau 1 năm đi làm nên mỗi kỳ lương nhận được (theo tháng), bạn đều gửi vào ngân hàng với số tiền 6 triệu đồng, lãi suất tiền gửi 6%/năm của loại tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng. Kế hoạch này được thực hiện suốt 1 năm. Hỏi sau 1 năm, bạn nhận được số tiền là bao nhiêu?

- A. 74,38 triệu đồng
- B. 107,29 triệu đồng
- C. 74,01 triệu đồng
- D. 97,63 triệu đồng

ANSWER: A

##### **Câu 4:**

Công ty ACC sử dụng vốn cho dự án đầu tư mới từ khoản lợi nhuận để lại 3 tỷ đồng của năm qua. Giá cổ phần thường hiện đang lưu hành ở mức 42.000 đồng. Cổ tức được chia năm qua

là 2.500 đồng, cổ tức kỳ vọng tăng trưởng đều ở mức 15%. Vậy chi phí sử dụng vốn được huy động từ khoản lợi nhuận để lại này là bao nhiêu?

- A. 21,85%/năm
- B. 20,95%/năm
- C. 21,49%/năm
- D. 20,25%/năm

ANSWER: A

**Câu 5:**

Năm nay, công ty U huy động vốn từ phát hành 2 tỷ đồng trái phiếu. Giá bán trái phiếu 100.000 đồng, mệnh giá 100.000 đồng, lãi suất trái phiếu 9,5%/năm, trả lãi mỗi năm 1 lần, thời hạn 5 năm. Chi phí phát hành 2.000 đồng/trái phiếu. Tính chi phí sử dụng vốn vay trước thuế từ việc phát hành trái phiếu của công ty U?

- A. 10,03%
- B. 13,45%
- C. 13,24%
- D. 12,68%

ANSWER: A

**Câu 6:**

Hãy tính tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR) của dự án có dữ liệu dòng tiền (đơn vị: triệu đồng) sau đây:

Năm	0	1	2	3	4	5
Dòng tiền thuần	-1.500	410	425	430	440	450

- A. 13,21%
- B. 19,43%
- C. 12,31%
- D. 18,54%

ANSWER: A

**Câu 7:**

Công ty LMinh có cấu trúc vốn mục tiêu bao gồm 45% nợ và 55% cổ phần thường, không có cổ phiếu ưu đãi. Chi phí nợ trước thuế 15%, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%. Giá hiện tại của cổ phiếu là 30.000 đồng. Cổ tức năm qua là 3.000 đồng, dự kiến tăng trưởng không đổi qua các năm là 8%/năm. Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC) của công ty LMinh là bao nhiêu?

- A. 15,74%
- B. 15,30%
- C. 17,09%
- D. 16,78%

ANSWER: A

**Câu 8:**

Hoạt động nào sau đây là tạo lập quỹ tiền tệ của doanh nghiệp?

- A. Phát hành cổ phiếu thường mới
- B. Chi trả cổ tức cho cổ đông thường
- C. Chi trả lãi cho các trái chủ
- D. Góp vốn đầu tư vào dự án mới

ANSWER: A

**Câu 9:**

Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Khi cấu trúc vốn thay đổi, chi phí sử dụng vốn bình quân sẽ thay đổi.
- B. Việc phát hành cổ phần thường mới làm tăng giá cổ phiếu.
- C. Các dự án rủi ro thì thường có chi phí sử dụng vốn bình quân thấp.
- D. Chi phí sử dụng nợ thường cao hơn chi phí sử dụng vốn cổ phần.

ANSWER: A

**Câu 10:**

Năm nay: Tỷ lệ Tài sản ngắn hạn/Doanh thu thuần là 40%, Các khoản phải trả/Doanh thu thuần là 20%. Năm sau doanh thu thuần tăng thêm 6 tỷ đồng, tài sản dài hạn tăng thêm 1,5 tỷ đồng. Với giả định của phương pháp dự toán % theo doanh thu thì năm sau nhu cầu vốn tăng thêm là bao nhiêu?

- A. 3,9 tỷ đồng
- B. 2,7 tỷ đồng
- C. 2,4 tỷ đồng
- D. 1,2 tỷ đồng

ANSWER: A

**Câu 11:**

Nếu năm sau doanh thu tăng thêm 15% so với năm nay thì:

- A. Công ty phải đầu tư thêm tài sản ngắn hạn
- B. Công ty phải giảm đầu tư tài sản dài hạn
- C. Công ty phải huy động thêm vốn từ việc phát hành cổ phiếu thường mới
- D. Công ty cần phải giảm vay nợ 15%

ANSWER: A

**Câu 12:**

Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. IRR phản ánh mức sinh lời mỗi năm cho toàn bộ thời gian đầu tư dự án.
- B. NPV bằng 0 thì IRR nhỏ hơn WACC
- C. Phương pháp chuỗi đều tương đương (EAA) áp dụng trong trường hợp các dự án độc lập lẫn nhau.
- D. Khi WACC của dự án tăng thì NPV của dự án tăng theo.

ANSWER: A

**Câu 13:**

Năm trước công ty CC có doanh thu là 350 tỷ đồng, tài sản cố định là 150 tỷ đồng đang được vận hành với 80% công suất. Nếu tài sản cố định hoạt động hết 100% công suất thì doanh thu của công ty đạt được là bao nhiêu?

- A. 437,5 tỷ đồng
- B. 280 tỷ đồng
- C. 450 tỷ đồng
- D. 520 tỷ đồng

ANSWER: A

**Câu 14:**

Thông tin về cổ phiếu thường doanh nghiệp như sau:

- Mức cổ tức được chia ở kỳ hiện tại là 2.800 đồng/CP
- Cổ tức dự kiến tăng 12%/năm trong 2 năm tiếp theo, sau đó tăng trưởng đều ở mức 6%/năm
- Nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời 14%/năm

Nhà đầu tư có thể chấp nhận mua lại cổ phiếu này trên thị trường với giá tối đa là bao nhiêu?

- A. 41.263,16 đồng
- B. 36.238,84 đồng
- C. 38.651,89 đồng
- D. 38.560,55 đồng

ANSWER: A

**Câu 15:**

Phát biểu nào sau đây là đúng với giả định lãi suất phi rủi ro là 6%?

- A. Nếu một cổ phiếu có beta âm, lợi nhuận yêu cầu của nó theo CAPM sẽ dưới 6%.
- B. Nếu beta của một cổ phiếu tăng gấp đôi, lợi nhuận yêu cầu của nó theo CAPM cũng sẽ tăng gấp đôi.
- C. Nếu beta của một cổ phiếu là 1,0, lợi nhuận yêu cầu của nó theo CAPM sẽ là 6%.
- D. Nếu beta của một cổ phiếu là dương nhưng nhỏ hơn 1,0, lợi nhuận yêu cầu của nó theo CAPM sẽ dưới 5%

ANSWER: A

**Câu 16:**

Cổ phiếu M và U có beta lần lượt là 1,01 và 3,32. Lãi suất phi rủi ro là 7%, tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng của danh mục thị trường là 12%. Hãy xác định lợi nhuận kỳ vọng của danh mục đầu tư gồm 40% cổ phiếu M và 60% cổ phiếu U.

- A. 18,98%
- B. 12,05%
- C. 23,60%
- D. 23,43%

ANSWER: A

**Câu 17:**

Phát biểu nào dưới đây là ĐÚNG?

- A. Cổ phiếu không có thời gian đáo hạn
- B. Trái phiếu doanh nghiệp là không có ngày đáo hạn
- C. Cả trái phiếu và cổ phiếu đều không có ngày đáo hạn
- D. Cả trái phiếu và cổ phiếu đều có ngày đáo hạn

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (3 câu hỏi + 0,5 điểm/câu hỏi)****Câu 18: (0,5 điểm)**

Nếu lãi suất giảm sau khi phát hành trái phiếu, điều gì sẽ xảy ra với giá trái phiếu và lợi suất đến khi đáo hạn (YTM)?

**Câu 19: (0,5 điểm)**

Tỷ suất sinh lợi của chứng khoán  $i$  ra sao nếu lãi suất phi rủi ro giảm nhưng phần bù rủi ro thị trường không thay đổi? Hãy giải thích.

**Câu 20: (0,5 điểm)**

Nếu doanh nghiệp giảm huy động vốn từ phát hành cổ phần thường mới càng nhiều thì chi phí sử dụng vốn cổ phần thường mới sẽ có xu hướng thay đổi thế nào?

**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>8,5</b>	
Câu 1 – 17	Đáp án A	0,5	
<b>II. Tự luận</b>		<b>1,5</b>	
Câu 18	Giá của trái phiếu sẽ tăng (0,25 điểm) và lợi suất đến khi đáo hạn (YTM) của trái phiếu sẽ giảm nếu lãi suất giảm. (0,25 điểm)	0,5	
Câu 19	Theo CAPM: $r_i = r_{RF} + (r_M - r_{RF}) \beta_i$ (0,25 điểm) Do vậy, khi lãi suất phi rủi ro ( $r_{RF}$ ) giảm mà phần bù rủi ro thị trường ( $r_M - r_{RF}$ ) không thay đổi thì tỷ suất sinh lợi của chứng khoán $i$ ( $r_i$ ) sẽ giảm. (0,25 điểm)	0,5	
Câu 20	Nếu doanh nghiệp giảm huy động vốn từ phát hành cổ phần thường mới càng nhiều thì chi phí sử dụng vốn cổ phần thường mới sẽ có xu hướng giảm.	0,5	
<b>Điểm tổng</b>		<b>10,0</b>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2024

Trưởng Bộ môn

Giảng viên ra đề




TS. Phạm Thị Hồng Vân

Nguyễn Thúy Quỳnh